

Số: 688/QĐ-TCNMN

Tây Ninh, ngày 2 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách 9 tháng năm 2026 của
Trường Trung cấp nghề và Đào tạo cán bộ HTX miền Nam

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ VÀ ĐÀO TẠO CÁN BỘ HTX MIỀN NAM

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 506/QĐ-LMHTXVN ngày 15 tháng 7 năm 2011 của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam về việc thành lập Trường Trung cấp nghề và Đào tạo cán bộ hợp tác xã miền Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội khóa 15 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi giai đoạn 2025 – 2030;

Căn cứ Quyết định số 329/QĐ-TT ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam về việc điều chỉnh phân bổ dự toán chi NSNN năm 2026 cho Trường Trung cấp nghề và Đào tạo cán bộ hợp tác xã miền Nam (Lần 2);

Theo đề nghị của Văn phòng.

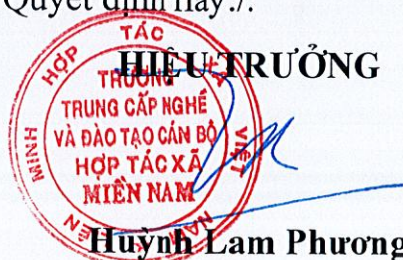
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách 9 tháng năm 2026 của Trường Trung cấp nghề và Đào tạo cán bộ HTX miền Nam. (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Văn phòng, Phòng Đào tạo, Khoa Kinh tế và phát triển hợp tác xã và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Liên minh HTX Việt Nam (b/c);
- Phòng Kế hoạch – Tài chính (VP);
- Lưu :VT.



Huỳnh Lam Phương

Đơn vị: Trường Trung cấp nghề và Đào tạo
cán bộ HTX miền Nam
Chương: 048

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
(09 THÁNG NĂM 2026)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Trường Trung cấp nghề và đào tạo cán bộ HTX miền Nam công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 09 tháng năm 2026 như sau:

(Kèm theo Quyết định số 688 /QĐ-TCNMN ngày 02/10/2026 của Trường Trung cấp nghề và đào tạo cán bộ hợp tác xã miền Nam)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 09 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng/năm so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				
1	Nguồn thu thuộc ngân sách nhà nước				
2	Thu từ nguồn NSNN hỗ trợ (đấu thầu, đặt hành, kinh phí miễn giảm học phí...)				
B	CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	7.506,21	1.274,86		
I	Nguồn ngân sách trong nước	7.506,21	1.274,86		
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
-	Nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
-	Nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và cấp không qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	1.420,00	1.274,86		
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.420,00	1.274,86		
-	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ	1.272,00	1.184,36		
	-Trong đó tiết kiệm 10% theo quyết định số 2638/QĐ-TTg ngày 03/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán NSNN năm 2026 để bổ sung nguồn thực hiện an sinh xã hội	127,20			

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 09 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng/năm so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
-	Kinh phí cấp bù học phí	148,00	90,50		
	<i>-Trong đó tiết kiệm 10% theo quyết định số 2638/QĐ-TTg ngày 03/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán NSNN năm 2026 để bổ sung nguồn thực hiện an sinh xã hội</i>	14,80			
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
6	Chi hoạt động kinh tế	6.086,21			
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	6.086,21	1.271,23		
-	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	4.271,45	129,00		
	Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp (Mã 00474)	3.653,40			
	<i>Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Thực hiện mô hình xây dựng mô hình giảm nghèo</i>	107,30			
	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp: Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thí điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp với chuỗi giá trị hiệu quả	454,35	129,00		
	Tiểu dự án 1: Xây dựng mô hình	56,40			
-	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	828,56	659,46		
	<i>Nội dung 2: Tiếp tục tăng cường nâng cao năng lực, chuyển đổi nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp đặc biệt cán bộ cơ sở (Mã 10502)</i>	175,33	150,46		
	<i>Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, thành viên HTX nhằm nâng cao năng lực quản lý, quản trị cho cán bộ HTX: Hỗ trợ HTX PTSX; kết nối HTX doanh nghiệp hình thành và vận hành liên kết SX, liên kết tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị (Mã 10493)</i>	653,24	509,00		
-	Chương trình MTQT phát triển KTXH vùng ĐBDTTS&MN	986,19	482,77		

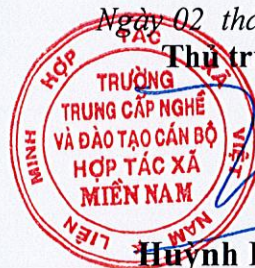
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 09 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng/năm so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển KT - XH và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN: Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi Nhiệm vụ: Tập huấn nâng cao năng lực TMĐT cho thành viên HTX và đại diện các hộ SXKD vùng DTTS&MN	892,78	482,77		
	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự KD... : Xây dựng các mô hình hỗ trợ PTSX theo nhiệm vụ phù hợp với vùng, miền nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có hiệu quả, tạo việc làm nâng cao thu nhập cho hộ dân, giảm nghèo bền vững đồng bào DTTS&MN	93,41			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp giáo dục, thể thao				
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.2	Dự án A				
2.3	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 09 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng/năm so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp giáo dục, thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay viện trợ nướ ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.2	Dự án A				
2.3	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 09 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng/năm so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp giáo dục, thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Ngày 02 tháng 10 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Huỳnh Lam Phương



